

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 278/2019/DS-PT

Ngày: 10-4-2019

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và
hợp đồng bảo lãnh.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Nhung

Các Thẩm phán: 1. Bà Lê Thị Ngọc Hương

2. Ông Nguyễn Bá Thịnh

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Hồ Thị Yến Khanh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 10/4/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử
phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 43/DSPT ngày 09/01/2019 về việc
“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng bảo lãnh”

Do bản án dân sự sơ thẩm số 674/2018/DS-ST ngày 23/11/2018 của Tòa án
nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 264/2019/QĐPT-DS ngày 15/3/2019
giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thúy H, sinh năm 1967 (Có mặt)

Địa chỉ: đường Y, Phường P, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:*

Ông Nguyễn Quang H, sinh năm 1962 (Có mặt)

Bà Nguyễn Thanh Đ, sinh năm 1964 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: đường Z, phường C, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Đỗ Minh V, sinh năm 1988 (Vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thanh T, sinh năm 1989 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Đường A, Phường E, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ông Trần Văn C, sinh năm 1958 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Đường N, Phường M, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, lời khai và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Trần

Thúy H trình bày:

Vào ngày 15/01/2016, bà có cho ông Đỗ Minh V và bà Nguyễn Thanh T vay số tiền: 200.000.000 đồng, không lãi suất. Mỗi tháng trả 7.000.000 đồng. Ông V và bà T đã trả được 50.000.000 đồng. Còn nợ lại bà số tiền là 150.000.000 đồng.

Bà đã nhiều lần liên lạc yêu cầu ông V và bà T thanh toán nhưng không gặp và không rõ ông V và bà T bỏ đi đâu. Sau đó, cha mẹ của bà Nguyễn Thanh T là ông Nguyễn Quang H và bà Nguyễn Thanh Đ biết chuyện nên ngày 02/02/2016 đã bảo lãnh cam kết trả cho bà mỗi tháng 7.000.000 đồng trong vòng 02 năm kể từ ngày 15/3/2016 cho đến khi trả hết 150.000.000 đồng.

Tuy nhiên ông H và bà L không thanh toán cho bà số tiền trả dần hàng tháng. Bà đã nhiều lần liên hệ và yêu cầu thanh toán nhưng ông H và bà L không thanh toán. Đến ngày 28/12/2016, Ủy ban nhân dân phường C, Quận M có tổ chức buổi hòa giải về việc trả nợ nhưng không thành nên ngày 14/02/2017, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân Quận M buộc ông H, bà L là người đứng ra bảo lãnh chịu trách nhiệm thanh toán trả lại cho bà số tiền 150.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có mời ông H, vợ ông H là bà Đ lên Tòa án đối chất, bà Đ thừa nhận là bà có ký vào tên Nguyễn Thị L trong giấy bảo lãnh. Còn trong quá trình viết giấy bảo lãnh của ông H là do ông tự tay viết tên ông Nguyễn Quang H và vợ là bà Nguyễn Thị L và chữ ký tên bà L là do bà Đ ký. Nay, bà yêu cầu ông H và bà Đ trả nợ thay cho ông V và bà T.

Đồng thời sau đó ông H đã cung cấp được là sau khi ông viết giấy bảo lãnh trả nợ thay cho ông V và bà T thì từ tháng 3/2016 đến tháng 9/2016, ông V và bà T có trả cho bà số tiền thêm mỗi tháng 7.000.000 đồng, tổng cộng là 49.000.000 đồng. Còn nợ lại bà số tiền là 101.000.000 đồng.

Nay, bà yêu cầu Tòa án buộc ông H và bà Đ phải trả cho bà số tiền là 101.000.000 đồng thay cho ông V và bà T. Yêu cầu trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Quang Hùng trình bày:

Ông xác nhận con gái ông là Nguyễn Thanh T và con rể là Đỗ Minh V có vay của bà H số tiền 200.000.000 đồng.

Ngày 02/02/2016, ông có viết tờ giấy bảo lãnh với nội dung xác nhận số tiền còn nợ lại là 150.000.000 đồng. Sau khi viết giấy bảo lãnh, ông có đôn đốc ông V và bà T trả nợ cho bà H được 07 kỳ từ tháng 3/2016 đến tháng 9/2016 với tổng số tiền là 49.000.000 đồng. Sau đó do con rể ông là Đỗ Minh V đi cai nghiện, không làm ăn gì được nên các con ông không có tiền trả nợ tiếp cho bà H.

Nay bà H khởi kiện tại Tòa án yêu cầu ông trả cho bà H số tiền còn lại là 101.000.000 đồng do con gái và con rể ông còn nợ, vì con rể và con gái ông không trả được tiền nợ cho bà H ông nhận thấy trách nhiệm trả nợ thuộc về ông nên ông tự nguyện đồng ý với đề nghị của bà H là sẽ trả cho bà H số tiền 101.000.000 đồng mà con rể ông Đỗ Minh V và con gái Nguyễn Thanh T đang nợ bà H. Nhưng do

hoàn cảnh khó khăn, vợ chồng ông đã già lại không có công ăn việc làm và còn phải nuôi 02 cháu ngoại nên ông chỉ có khả năng trả cho bà H mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thanh Đ trình bày:

Bà đồng ý cùng ông H trả nợ cho bà H thay con gái Nguyễn Thanh T và con rể Đỗ Minh V. Còn thời gian trả và cách thức trả thì bà đồng ý với ý kiến của ông H là mỗi tháng trả cho bà H 1.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đỗ Minh V và bà Nguyễn Thanh T không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Trần Văn C có bản khai ngày 16/4/2018 trình bày ý kiến:

Ông là chồng của bà Nguyễn Thúy H. Vào tháng 01/2016, vợ ông là bà Nguyễn Thúy H có cho ông Đỗ Minh V và bà Nguyễn Thanh T vay số tiền 200.000.000 đồng. Từ khi cho vay đến nay, ông không biết và không nắm rõ việc vay mượn lãi bao nhiêu, ông V và bà T đã trả bao nhiêu, còn nợ lại bao nhiêu.

Việc ông H và bà L có ký giấy bảo lãnh thay mặt cho ông V, bà T để bảo đảm trả nợ cho vợ ông thì ông biết vì hôm đó ông chở vợ đi và biết vậy nhưng chi tiết cụ thể thế nào tôi không đề ý và không quan tâm lắm. Ông nghĩ ông H và bà L đã nhận trả nợ cho vợ ông thì ông yên tâm nên không hỏi thăm vợ bất kỳ điều gì nữa. Đồng thời số tiền vợ ông cho ông V và bà T vay là tiền riêng của vợ ông, không phải là tiền chung của vợ chồng. Vì vậy, ông đề nghị Tòa án xem xét buộc vợ chồng ông H phải trả tiền cho vợ ông và ông xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 674/2018/DS-ST ngày 23/11/2018 của Tòa án nhân dân Quận M đã tuyên xử.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thúy H.

Buộc ông Nguyễn Quang H và bà Nguyễn Thanh Đ trả cho bà Trần Thúy H số tiền 101.000.000 đồng thay cho ông Đỗ Minh V và bà Nguyễn Thanh T trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngày 05 tháng 12 năm 2018 ông Nguyễn Quang H và bà Nguyễn Thanh Đ kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 674/2018/DS-ST ngày 23/11/2018 của Tòa án nhân dân Quận M.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H không rút đơn khởi kiện. Ông H, bà Đ không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ông H trình bày nội dung kháng cáo: Không đồng ý với bản án sơ thẩm vì ông H và bà Đ ký đơn bảo lãnh chỉ với mục đích đôn đốc nhắc nhở hai con trả nợ

chứ không lãnh trách nhiệm trả nợ thay. Sau khi vợ chồng ông ký bảo lãnh thì hai con là V và T vẫn có trách nhiệm trả nợ và đã trả tiếp cho bà H số tiền 49.000.000 (bốn mươi chín triệu) đồng. Vì vậy bà H khởi kiện ông và bà Đ trả nợ thay hai con là không đúng. Đề nghị Tòa án xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

Bà H trình bày ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử y bản án sơ thẩm.

Tại phần tranh luận, Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích của bị đơn cho rằng: Thỏa thuận vay nợ giữa bà H và ông V, bà T có thời hạn là 24 tháng. Tới ngày 15/8/2018 mới hết thời hạn trả nợ. Bà H khởi kiện trước thời hạn trả nợ là không đúng. Hơn nữa, ông H và bà Đ bảo lãnh thì chỉ khi hai con là ông V và bà T không trả được nợ. Nay bà H kiện trực tiếp ông H và bà Đ là không có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Bà H trình bày: Dù chưa đến hạn trả nợ nhưng con của ông H, bà Đ không trả nợ, ông bà ký với tư cách bảo lãnh. Hiện nay hai con là ông V và bà T không trả nợ tiếp. Đề nghị Tòa án xét xử cho bà lấy lại số tiền còn lại là 101.000.000 (một trăm lẻ một triệu) đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Tòa cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục, các đương sự đã được thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ; đơn kháng cáo và thời hạn đóng án phí của ông H và bà Đ trong thời hạn luật định nên có cơ sở xem xét về hình thức.

Về nội dung kháng cáo: Xét hợp đồng vay tiền giữa bà H cho ông V và bà T vay số tiền 200.000.000 đồng không lãi suất. Thỏa thuận trả góp mỗi tháng 7.000.000 đồng, trả góp trong vòng 24 tháng kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2016 đến ngày 15 tháng 01 năm 2018 mới hết hạn trả nợ. Ông V, bà T đã trả được 99.000.000 đồng. Số còn lại là 101.000.000 (một trăm lẻ một triệu) đồng. Ông H và bà Đ viết cam kết bảo lãnh trả số tiền trên thay cho con. Ông H và bà Đ chỉ trả nợ khi ông V và bà T không trả được nợ hoặc không có khả năng trả nợ. Hồ sơ chưa thể hiện ông V và bà T không có khả năng trả nợ. Mặt khác, chưa hết thời gian hai bên thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ngày 14 tháng 02 năm 2017 bà H đã khởi kiện đòi nợ là chưa hết thời gian thỏa thuận của ông V và bà T trả nợ. Bà H khởi kiện người bảo lãnh là chưa đúng đối tượng. Bà H phải khởi kiện ông V và bà T mới đúng qui định của pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận đơn khởi kiện của bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Đơn kháng cáo và thời hạn đóng tạm ứng án phí của ông Hùng và bà Đét làm trong thời hạn luật định nên có cơ sở xem xét về hình thức.

Về nội dung vụ kiện, Hội đồng xét xử thấy rằng :

Căn cứ vào hợp đồng vay tiền ngày 15/01/2016 thì ông Đỗ Minh V và bà Nguyễn Thanh T (con gái và con rể của ông Nguyễn Quang H và bà Nguyễn Thanh Đ) có ký vay của bà Trần Thị H số tiền là 200.000.000 đồng. Vay không lãi suất. Trả góp mỗi tháng 7 triệu đồng. Trả trong hạn 24 tháng từ kể ngày 15/01/2016 đến ngày 15/01/2018 hết nợ. Sau khi vay thì ông V và bà T đã trả cho bà H số tiền 50.000.000 đồng. Ngày 02/02/2018, ông H và bà Đ có ký cam kết bảo lãnh số nợ trên cho con gái T và con rể V. Sau khi ông H, bà Đ viết cam kết bảo lãnh thì ông V và bà T tiếp tục trả góp với số tiền 49.000.000 đồng. Hiện nay còn lại 101.000.000 (một trăm lẻ một triệu) đồng. Ngày 14/02/2017, bà H khởi kiện người bảo lãnh là ông H và bà Đ phải có trách nhiệm trả số nợ trên. Như vậy, chưa hết thời gian thỏa thuận của hợp đồng vay nợ mà bà H khởi kiện là chưa đủ điều kiện khởi kiện. Hơn nữa, bà H khởi kiện ông H và bà Đ là người bảo lãnh trong khi ông V và bà T vẫn đang thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Theo Điều 335 và Điều 336 Bộ luật dân sự năm 2015 thì người bảo lãnh là ông H và bà Đ chỉ thực hiện nghĩa vụ khi người được bảo lãnh là ông V và bà T không trả nợ hoặc không có khả năng trả nợ. Đối chiếu với qui định của điều luật trên thì chưa hết thời gian thỏa thuận trả nợ giữa hai bên mà bà H đã khởi kiện ông H, bà Đ là người bảo lãnh với tư cách là bị đơn là chưa đủ điều kiện khởi kiện và chưa đúng đối tượng khởi kiện. Bà H cần khởi kiện ông Đỗ Minh V và bà Nguyễn Thanh T yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán số nợ trên mới đúng qui định của pháp luật.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử đồng ý với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, chấp nhận đơn kháng cáo của ông H và bà Đ. Sửa bản án sơ thẩm theo khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do chưa đúng đối tượng khởi kiện và chưa đủ điều kiện khởi kiện. Bà H được quyền khởi kiện lại vụ kiện trên theo qui định của pháp luật.

Án phí dân sự sơ thẩm: Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H nên bà phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 5.050.000 đồng, được cản trừ vào số tiền 3.750.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0019161 ngày 01/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự Quận M. Bà H còn phải nộp số tiền là: 1.300.000 (một triệu ba trăm ngàn) đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông H và bà Đ không phải nộp. Hoàn lại cho ông H và bà Đ 300.000 (ba trăm ngàn) đồng mà ông bà đã nộp theo biên lai thu số 0023868 ngày 11/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận M.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 335, Điều 336 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 147; Điều 271 và khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Quang H và bà Nguyễn Thanh Đ. Sửa bản án sơ thẩm.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thuý H về việc buộc ông Nguyễn Quang H và bà Nguyễn Thanh Đ phải trả cho bà số tiền 101.000.000 (một trăm lẻ một triệu) đồng thay cho ông Đỗ Minh V và bà Nguyễn Thanh T.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thuý H phải nộp 5.050.000 (năm triệu không trăm năm mươi ngàn) đồng, được căn trừ vào số tiền 3.750.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0019161 ngày 01/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự Quận M. Bà H còn phải nộp số tiền là: 1.300.000 (một triệu ba trăm ngàn) đồng.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Quang H và bà Nguyễn Thanh Đ không phải nộp. Hoàn lại cho ông H và bà Đ 300.000 (ba trăm ngàn) đồng mà ông bà đã nộp theo biên lai thu số 0023868 ngày 11/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận M.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận M;
- TAND Quận M;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Nhung